

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2023/HS-PT
Ngày: 12 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Đinh Phước Hoà

Ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, tiến hành phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 165/2023/TLPT-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T và Phan Lê T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: Phan Minh C, sinh ngày 03/02/1991, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Phan Tiến D (chết) và con bà: Tường Thị H; vợ chưa có; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất 05 tháng tuổi; tiền án, tiền sự: không; Quá trình nhân thân: Ngày 10/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 04/2012/HSST. Ngày 13/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2012/HSST. Ngày 29/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt 18 tháng tù, buộc bị cáo chấp hành 36 tháng tù tại bản án số 86/2012/HSST. Ngày 25/01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại bản án số 03/2021/HSST,

bị cáo C kháng cáo. Ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy về phần hình sự đối với bị cáo C để xét xử lại. Ngày 17/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử lại, xử phạt bị cáo C 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST, bị cáo C kháng cáo. Đang trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo rút đơn kháng cáo. Ngày 17/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 43/2022/HSPT-QĐ. Ngày 02/10/2020, bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản người khác” tại Quyết định số 124/QĐ-XPHC. Ngày 01/12/2020, bị Công an huyện Q xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại Quyết định số 155/QĐ-XPHC. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2022 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị cáo: Trần Thị T, sinh ngày 11/11/1999, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Đình T2 và con bà Dương Thị A; chồng: chưa có; có 02 con, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất 05 tháng tuổi; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/5/2022 cho đến nay, có mặt.

3. Bị cáo: Phan Lê T1, sinh ngày 30/7/1990, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Phan Thanh V và con bà Đặng Thị B; có vợ Lim Thị T3 và 01 đứa con 10 tuổi; tiền án: có 01 tiền án, ngày 30/6/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại Bản án số 26/2021/HSST; tiền sự: không. Quá trình nhân thân: Ngày 28/8/2013, bị UBND tỉnh Quảng Bình có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” tại Quyết định số 2078/QĐ-UBND. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2022 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T: Ông Dương Mênh M, Luật sư của Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Minh C: Ông Giã Văn P, Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Lê T1: Ông Trương Thanh T4, Luật sư, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/5/2022, Phan Lê T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 37A - 288.65 chở Phan Minh C ngồi ở ghế phụ phía trước đi trên đường Q theo hướng Nam - B, khi đi đến địa phận thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thì bị lực lượng Công an tiến hành dừng xe kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong người của Phan Minh C 998 (chín trăm chín mươi tám) viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược trong đó có 988 (chín trăm tám mươi tám) viên màu hồng và 10 (mười) viên màu xanh. Phan Minh C khai nhận số viên nén trên là ma túy hồng phiến được C mua về với mục đích bán lại kiếm lời.

Đến 02 giờ 20 phút ngày 14/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Phan Minh C tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình còn thu giữ: 15 túi nilon (trong đó có 12 túi nilon màu xanh và 03 túi nilon màu hồng) có chứa 2.862 viên nén hình tròn màu hồng và 34 viên nén hình tròn màu xanh. C khai nhận số viên nén trên là ma túy hồng phiến được C cất giấu với mục đích bán kiếm lời; 01 vật bằng kim loại màu đen có hình dạng khẩu súng ngắn, kích thước (16,5x12x2)cm, trên phần tay cầm có hình ngôi sao, bên trong tay cầm có 01 hộp kim loại bên trong có lò xo dạng đẩy chứa 07 viên kim loại hình trụ, kích thước mỗi viên (2,5x1)cm. C khai nhận đồ vật trên là súng ngắn K59 và đạn được C cất giấu với mục đích phòng thân.

Tại Bản kết luận giám định số 589/GĐ-PC09, ngày 18/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 988 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược màu hồng (thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Minh C) là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 103,153 gam (một trăm linh ba phẩy một trăm năm mươi ba gam); 2.862 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược màu hồng (thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Minh C) là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 292,83 gam (hai trăm chín mươi hai phẩy tám mươi ba gam). Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự: 247, Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ; 10 viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược màu xanh (thu giữ trong quá trình bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Minh C) không phải là ma túy, khối lượng 1,006 gam (một phẩy không trăm linh sáu gam); 34 (ba mươi bốn) viên nén hình tròn, dạng thuốc tân dược màu xanh (thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Minh C) không phải là ma túy, khối lượng 3,416 gam (ba phẩy bốn trăm mười sáu gam).

Tại Bản kết luận giám định số 589/KL-KTHS ngày 18/5/2022, Phòng K Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 01 vật có hình dạng súng ngắn là súng ngắn bán tự động Makarov, cỡ nòng 9mm (thường gọi là súng K59) thuộc vũ khí quân dụng; số hiệu của thân súng, của bộ phận khóa nòng và của nòng súng đã

bị tẩy xóa và 07 vật kim loại dạng viên đạn là đạn cỡ (9x18)mm thuộc vũ khí quân dụng.

Quá trình điều tra xác định. Khoảng 14 giờ ngày 13/5/2022, được sự giới thiệu của một người tên thường gọi là “Địa” ở tỉnh Quảng Trị, Phan Minh C sử dụng số điện thoại 0847.173.173 để gọi đến số điện thoại 0967.555.395 của một người ở tỉnh Quảng Trị hỏi mua 1000 viên ma túy hồng phiến. Người sử dụng số điện thoại đó đồng ý bán với giá 20.000.000 đồng và hẹn C vào tỉnh Quảng Trị để thực hiện giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, C gọi đến số điện thoại 0816.047.216 của “Địa” để thông báo nội dung thỏa thuận mua bán ma túy và được “Địa” hẹn khi nào vào đến thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thì gọi lại cho “Địa”. Sau khi thỏa thuận xong, C gọi điện thoại đến số 0817.137.173 của Phan Lê T1 để thuê T1 chở đi và được T1 đồng ý. Một lúc sau, T1 điều khiển xe ô tô hiệu LACETTI, màu đen, biển kiểm soát: 37A - 288.65 đến nhà C tại thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để chở C đi. Khi lên xe, C ngồi ở vị trí ghế phụ phía trước, T1 hỏi C chở đi đâu thì được C trả lời “mày chạy vào trong chỗ tao với mày đi không có rồi về đó”. Nghe vậy, T1 liền điều khiển xe theo Quốc lộ A hướng vào địa phận tỉnh Quảng Trị. Khi đi qua địa bàn thành phố Đ, C liên lạc với “Địa” báo đang chạy vào Quảng Trị, thì Đ trả lời “Khi nào đến cầu H thì gọi lại cho Đ”. Khi đến cầu H, C liên lạc với Đ thì được Địa hẹn đến cây xăng ở D, tỉnh Quảng Trị. Khi đến điểm hẹn, C thấy Đ cùng một người bạn của Đ đang đứng chờ sẵn từ trước, T1 dừng xe thì bạn của Đ lên xe ngồi ở ghế phụ phía sau, còn Đ vì có việc bận nên không đi cùng. Sau khi lên xe, bạn của Đ nói “Chạy xe vào thành phố Đ”, T1 điều khiển xe đi theo hướng bạn của Đ nói. Quá trình ngồi ở trên xe, C nói với bạn của Đ ngồi ở ghế phụ phía sau thông qua khoảng hở giữa ghế lái và ghế phụ phía trước với nội dung “Mua đợt hàng này xem có ngon không để về trộn với đợt hàng trước, vì anh mua đợt hàng trước không ngon, bị đắng”. Bạn của Địa ngồi ở ghế phụ phía sau trả lời “Em hỏi họ rồi, đợt này họ nói có loại ngon”. Lúc này, T1 điều khiển xe đến chợ Đ1 thì dừng lại, bạn của Đ mượn điện thoại di động của C để gọi đến số điện thoại 0967.555.395 báo đã đến nơi. Sau khi gọi điện thoại xong thì bạn của Đ nói “Một lúc sau sẽ có một xe mô tô loại Exciter, màu trắng đen, không biển số chạy đến bám còi rồi đi theo xe đó”. Chờ một lúc thì có một xe mô tô có đặc điểm như bạn của Đ đã miêu tả chạy đến gần, ra tín hiệu bằng tay và rủ đi theo xe. Thấy vậy, T1 điều khiển xe đi theo chiếc xe mô tô trên đến một con hẻm gần chợ Đ1 thì bạn của Đ nói “Dừng xe ở đầu hẻm và chờ”. C lấy số tiền 20.000.000 đồng đã chuẩn bị trước trong túi quần của mình đưa qua khoảng hở giữa ghế lái và ghế phụ phía trước cho bạn của Đ ngồi ở ghế phụ phía sau để thanh toán tiền mua ma túy. Khi nhận được tiền thì bạn của Đ xuống xe, đưa số tiền 20.000.000 đồng cho người đàn ông điều khiển xe Exciter, rồi đi thẳng đến một người đang ngồi trên chiếc xe mô tô hiệu Dream chờ ở phía trong hẻm. Khoảng 10 phút sau thì bạn của Đ quay lại xe của T1 đang chờ ở đầu hẻm, lên xe ngồi ở ghế phụ phía sau và nói T1 điều khiển xe ra Quốc lộ A đi theo hướng N - B. Khi T1 điều khiển xe chạy, bạn của Đ ngồi ở ghế phụ phía sau gọi C, khi C quay người lại thì bạn của Đ đưa cho C 01 gói ma túy được bọc ngoài bằng

lớp giấy màu trắng, bên trong có chứa 05 túi ni lon có chứa ma túy hồng phiến. C nhận gói ma túy và để gói ma túy đó ở hộc đựng đồ của cánh cửa xe tại vị trí C đang ngồi. Khi T1 điều khiển xe đến đoạn cầu H thì bạn của Đ ngồi ở ghế phụ phía sau xuống xe, còn C và T1 tiếp tục điều khiển xe chạy về tỉnh Quảng Bình. Khi chạy đến đoạn đường tránh thuộc địa phận huyện L, tỉnh Quảng Bình thì C rủ T1 dừng xe để cùng nhau sử dụng ma túy. T1 đồng ý và dừng xe ở bên lề đường, C lấy ra 05 viên ma túy hồng phiến ở trong số ma túy vừa mua được rồi cùng T1 sử dụng hết 05 ma túy đó ở trên xe. Sau khi sử dụng ma túy xong, T1 nói với C là “đồ đợt này ngon” rồi cả hai tiếp tục điều khiển xe chạy theo đường tránh về hướng huyện Q. Khi đến địa phận thôn X, xã Q, huyện Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài lần mua ma túy nói trên thì vào đầu tháng 4/2022, Phan Minh C gọi cho Phan Lê T1 thuê chở vào thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để mua 02 tấm ma túy hồng phiến (khoảng 12.000 viên). Khi đi thì T1 biết mục đích là để đi mua ma túy, nên có nói với C là để lại cho T1 01 cây ma túy Hồng phiến (khoảng 2.000 viên) để T1 bán. Tuy nhiên, lần đó do không liên lạc được với người bán ma túy, nên C cùng T1 quay về Quảng Bình.

Sau đó, để có ma túy hồng phiến bán kiếm lời, khoảng giữa tháng 4/2022, Phan Minh C sử dụng điện thoại gọi đến một người sử dụng số điện thoại 0924.906.918 (người này do Địa giới thiệu) để hỏi mua 02 cây ma túy hồng phiến (khoảng 4.000 viên). Người này đồng ý bán và gửi ma túy cho một người tên “Linh Lẹ” để đưa ra tỉnh Quảng Bình cho C. Sau đó, C vào thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và đến sân bóng đá nhân tạo G ở phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để gặp người tên “Linh Lẹ”. Khi gặp, “Linh Lẹ” đưa cho C 02 cây ma túy hồng phiến (khoảng 4.000 viên), C trả cho “Linh Lẹ” số tiền 47.000.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy, C đưa về nhà cất giấu tại phòng ngủ của C, trong nhà C lúc này có Trần Thị T (là bạn gái của C), nên C nói cho T biết mục đích C đưa ma túy về để bán kiếm lời. Từ thời gian sau khi đưa ma túy về cất giấu tại nhà đến ngày 13/5/2022, T và C nhiều lần lấy ma túy từ trong số ma túy đó để bán cho nhiều đối tượng nghiện trên địa bàn. Vào ngày 13/5/2022, trước khi C đi Quảng Trị thì có lấy số ma túy ở trong phòng ngủ đem cất giấu ở trong tủ lạnh của nhà C và chỉ cho T biết với mục đích khi có người hỏi mua ma túy thì T lấy ma túy ở trong tủ lạnh để bán thay C. Tại thời điểm khám xét khẩn cấp chỗ ở của C, Trần Thị T đã tự nguyện giao nộp số ma túy ở trong tủ lạnh gồm 2.896 viên ma túy hồng phiến, trong đó có 2.862 viên màu hồng và 34 viên màu xanh cho Cơ quan Công an.

Từ đầu năm 2022, Phan Minh C đã trực tiếp bán ma túy cho nhiều đối tượng trên địa bàn, trong đó quá trình điều tra xác định C đã bán cho Phan Lê T1 ba lần với số lượng 14 viên ma túy hồng phiến thu về 1.100.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 21 giờ ngày 25/4/2022, Phan Lê T1 sử dụng số điện thoại 0817.137.173 gọi vào số 0945.257.636 của Phan Minh C hỏi mua ma túy hồng phiến. C đồng ý bán 04 viên ma túy hồng phiến cho T1 với giá 300.000 đồng và

hẹn giao dịch tại nhà C. T1 đến bãi đất trống bên cạnh nhà C và thực hiện giao dịch mua bán ma túy qua ô cửa thông gió nhà C. Số ma túy mua được, T1 sử dụng hết.

Lần 2: Khoảng 22 giờ ngày 02/5/2022, Phan Lê T1 sử dụng số điện thoại 0817.137.173 gọi vào số 0945.257.636 của Phan Minh C hỏi mua ma túy hồng phiến. C đồng ý bán 04 viên ma túy hồng phiến cho T1 với giá 300.000 đồng và hẹn giao dịch tại nhà C. T1 đến bãi đất trống bên cạnh nhà C và thực hiện giao dịch mua bán ma túy qua ô cửa thông gió nhà C. Số ma túy mua được, T1 sử dụng hết.

Lần 3: Khoảng 21 giờ ngày 06/5/2022, Phan Lê T1 sử dụng số điện thoại 0817.137.173 gọi vào số 0945.257.636 của Phan Minh C hỏi mua ma túy hồng phiến. C đồng ý bán 06 viên ma túy hồng phiến cho T1 với giá 500.000 đồng và hẹn giao dịch tại nhà C. T1 đến bãi đất trống bên cạnh nhà C và thực hiện giao dịch mua bán ma túy qua ô cửa thông gió nhà C. Số ma túy mua được, T1 sử dụng hết.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định Phan Minh C còn chỉ đạo Trần Thị T và Nguyễn Mạnh C1 bán ma túy cho các đối tượng như sau:

Từ tháng 3/2022 đến ngày 13/5/2022, Phan Minh C đã chỉ đạo Trần Thị T bảy lần bán 62 viên ma túy hồng phiến, thu về 4.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/4/2022, Phan Minh C nhắn tin cho Trần Thị T qua mạng xã hội Facebook với nội dung gói 08 viên ma túy hồng phiến để bán cho người đến mua. Sau đó, T gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi bán cho một người đến mua (không biết tên tuổi, địa chỉ) qua ô cửa thông gió của nhà C với giá 500.000 đồng.

Lần 2: Ngày 02/5/2022, Phan Minh C nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Trần Thị T với nội dung gói 08 viên ma túy hồng phiến để bán cho người đến mua. Sau đó, T gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi bán cho một người đến mua (không biết tên tuổi, địa chỉ) qua ô cửa thông gió của nhà C với giá 500.000 đồng.

Lần 3: Ngày 08/5/2022, Phan Minh C nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Trần Thị T với nội dung gói 08 viên ma túy hồng phiến để bán cho người đến mua. Sau đó, T gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi bán cho người đến mua qua ô cửa thông gió của nhà C với giá 500.000 đồng.

Lần 4: Đầu tháng 5/2022, Phan Minh C nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Trần Thị T với nội dung gói 08 viên ma túy hồng phiến để bán cho người đến mua. Sau đó, T gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi trực tiếp đưa cho Phan Minh C để đi bán cho khách mua với giá 500.000 đồng.

Lần 5: Ngày 11/5/2022, Phan Minh C nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Trần Thị T với nội dung gói 14 viên ma túy hồng phiến để bán

cho người đến mua. Sau đó, T gói 14 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi trực tiếp đưa cho Phan Minh C để đi bán cho khách mua với giá 1.000.000 đồng.

Lần 6: Khoảng 16 giờ ngày 13/5/2022, Phan Minh C nhắn tin qua mạng xã hội Facebook cho Trần Thị T với nội dung gói 08 viên ma túy hồng phiến để bán cho thằng C3 với giá 500.000 đồng. Sau đó, T gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi bán cho người đến mua qua ô cửa thông gió của nhà C.

Lần 7: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/5/2022, có một người đàn ông gọi vào số 0945.257.636 (là số điện thoại C và T sử dụng chung để bán ma túy hồng phiến) hỏi Trần Thị T để mua 500.000 đồng ma túy hồng phiến. T đồng ý bán và gói 08 viên ma túy hồng phiến bằng giấy bạc rồi bán cho một người (không biết tên) đến mua qua ô thông gió ở nhà C.

Từ tháng 01/2022 đến ngày 09/5/2022, Phan Minh C đã chỉ đạo Nguyễn Mạnh C1 bán ma túy cho nhiều người trên địa bàn. Trong đó C1 chỉ nhớ được cụ thể ba lần bán 12 viên ma túy hồng phiến và 01 gói giấy bạc có chứa ma túy hồng phiến (C1 không xác định được cụ thể số lượng ma túy trong gói giấy bạc), thu về 1.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng 22 giờ ngày 28/4/2022, theo sự chỉ đạo của Phan Minh C, Nguyễn Mạnh C1 đã bán 06 viên ma túy hồng phiến cho Nguyễn Quang V1 (có tên thường gọi là S), sinh năm 1993, trú tại xã Q, huyện Q, với giá 500.000 đồng. Giao dịch mua bán ma túy tại trước cổng nhà C.

Lần 2: Khoảng 20 giờ ngày 07/5/2022, theo sự chỉ đạo của Phan Minh C, Nguyễn Mạnh C1 đã bán 06 viên ma túy hồng phiến cho Hoàng Ngọc H1 (có tên thường gọi là Bòm M1), sinh năm 1986, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Q, với giá 500.000 đồng. Giao dịch mua bán ma túy tại trước cổng nhà C.

Lần 3: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 09/5/2022, theo sự chỉ đạo của Phan Minh C, Nguyễn Mạnh C1 nhận 01 gói giấy bạc có chứa ma túy hồng phiến (C1 không biết rõ số lượng ma túy cụ thể có trong gói giấy bạc) từ C rồi đem bán cho một người đàn ông lạ mặt (không biết tên tuổi, địa chỉ). Giao dịch mua bán ma túy tại khu vực Ngã 3 đường X.

Ngoài ra, vào đầu tháng 4/2022, Phan Minh C lên khu vực gần Cửa khẩu C4, huyện M, tỉnh Quảng Bình để mua cây cảnh thì tình cờ gặp một người dân tộc. Qua nói chuyện, người dân tộc biết C muốn mua súng nên đã giới thiệu cho số điện thoại của một người bán súng. C sử dụng điện thoại gọi cho người bán súng và hẹn gặp nhau ở khu vực rừng gần cửa khẩu C4 để thực hiện giao dịch. Khi gặp nhau thì người đó đồng ý bán cho C 01 (một) khẩu súng ngắn K59 và 07 (bảy) viên đạn với giá 25.000.000 đồng. Sau khi mua được súng và đạn, C đem về nhà cất giấu với mục đích để phòng thân.

Về vật chứng vụ án và một số đối tượng có liên quan trong vụ án:

- Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu thập theo quy định và Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết theo quy định tại Bản án sơ thẩm.

- Một số đối tượng có liên quan mà quá trình điều tra có đề cập và Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, do không có kháng cáo kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không nêu lại trong nội dung vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T, Phan Lê T1 và Nguyễn Mạnh C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Phan Minh C còn phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Đối với bị cáo Phan Minh C: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 304; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phan Minh C hình phạt Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt hai tội và 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST, ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội và hai bản án là “Chung thân”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/5/2022.

Đối với bị cáo Trần Thị T: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; các điểm s, t, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đối với bị cáo Phan Lê T1: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Lê T1 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/6/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C1; tuyên về phần hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/3/2023, bị cáo Phan Minh C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/3/2023, bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/3/2023, bị cáo Phan Lê T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T và bị cáo Phan Lê T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Luật sư Giã Văn P bào chữa cho bị cáo Phan Minh C, cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo đơn kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Luật sư Dương Mênh M bào chữa cho bị cáo Trần Thị T, cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo dưới khung hình phạt. Tuy nhiên bị cáo còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Luật sư Trương Thanh T4 bào chữa cho bị cáo Phan Lê T1: Không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo; đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án nhưng Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T, Phan Lê T1 thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Phan Minh C2, Phan Lê T1 và Trần Thị T thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Quá trình điều tra, giải quyết vụ án các bị cáo khai nhận:

Bị cáo Phan Minh C khai nhận: Đề có ma túy hồng phiến bán kiếm lời, khoảng đầu tháng 4/2022, bị cáo C gọi cho Phan Lê T1 thuê chỗ vào thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để mua 02 tấn ma túy hồng phiến (khoảng 12.000 viên). Khi đi thì T1 biết mục đích là để đi mua ma túy, nên có nói với C là để lại cho T1 01 (một) cây ma túy Hồng phiến (khoảng 2.000 viên) để T1 bán. Tuy nhiên, lần đó do không liên lạc được với người bán ma túy, nên C và T1 quay về Quảng Bình.

Đến khoảng giữa tháng 4/2022, bị cáo C điện thoại liên lạc với một người (người này do “Địa” giới thiệu) để hỏi mua 02 cây ma túy hồng phiến (khoảng 4.000 viên). Người này đồng ý bán và gửi ma túy cho một người tên “Linh Lọ” để đưa ra tỉnh Quảng Bình giao cho C. Sau đó, C đến sân bóng đá nhân tạo G ở phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để gặp người tên “Linh Lọ”. Khi gặp, “Linh Lọ” đưa cho C 02 cây ma túy hồng phiến (khoảng 4.000 viên), C trả cho “Linh Lọ” số tiền 47.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy từ “Linh Lọ”, bị cáo C đưa về nhà cất giấu và nói cho Trần Thị T (là bạn gái của C sinh sống cùng nhà với C) biết để khi C không có ở nhà thì T lấy ma túy bán cho các đối tượng nghiện.

Đến khoảng 14 giờ ngày 13/5/2022, được sự giới thiệu của “Địa” ở tỉnh Quảng Trị, bị cáo C đã điện thoại liên lạc đến số điện thoại 0967.555.395 của một người ở tỉnh Quảng Trị hỏi mua 1000 viên ma túy hồng phiến. Người đó đồng ý bán với giá 20.000.000 đồng và hẹn C vào tỉnh Quảng Trị để thực hiện giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, C điện thoại liên lạc với “Địa” để thông báo nội dung thỏa thuận mua bán ma túy và được “Địa” hẹn khi nào vào đến thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thì gọi lại cho “Địa”. Sau khi thỏa thuận xong, C gọi điện thoại liên lạc cho Phan Lê T1 để thuê T1 chở đi và được T1 đồng ý. T1 điều khiển xe ô tô hiệu LACETTI, màu đen, biển kiểm soát: 37A - 288.65 đến nhà C chở C đi. T1 hỏi C chở đi đâu thì được C trả lời “mày chạy vào trong chỗ tao với mày đi không có rồi về đó”. T1 điều khiển xe chở C vào tỉnh Quảng Bình. Khi đến cầu H, C liên lạc với “Địa” thì được “Địa” hẹn đến cây xăng ở D, tỉnh Quảng Trị. Khi đến điểm hẹn, thấy “Địa” cùng một người “bạn của Đ” đang đứng chờ sẵn từ trước, T1 dừng xe thì “bạn của Đ” lên xe ngồi, còn “Địa” không đi cùng. Khi ngồi ở trên xe, C nói với “bạn của Đ” mua đợt hàng này xem có ngon không để về trộn với đợt hàng trước, vì anh mua đợt hàng trước không ngon, bị đắng. “Bạn của Đ” trả lời “Em hỏi họ rồi, đợt này họ nói có loại ngon”. T1 điều khiển xe đến chợ Đ1 thì dừng lại, “bạn của Đ” mượn điện thoại di động của C để gọi đến số điện thoại 0967.555.395 báo đã đến nơi. Chờ một lúc thì có một xe mô tô loại Exciter, màu trắng đen, không biển số chạy đến gần, ra tín hiệu bằng tay và rủ đi theo xe. T1 điều khiển xe đi theo chiếc xe mô tô trên đến một con hẻm gần chợ Đ1 thì “bạn của Đ” nói dừng xe ở đầu hẻm và chờ. C lấy số tiền 20.000.000 đồng trong túi quần của mình đưa cho “bạn của Đ” để thanh toán tiền mua ma túy. Khi nhận được tiền thì “bạn của Đ” xuống xe, đưa số tiền 20.000.000 đồng cho người đàn ông điều khiển xe Exciter, rồi đi thẳng đến một người đang ngồi trên chiếc xe mô tô hiệu Dream chờ ở phía trong hẻm. Khoảng 10 phút sau “bạn của Đ” quay lại xe của T1, lên xe ngồi và nói T1 điều khiển xe ra Quốc lộ A đi theo hướng N - B. Khi T1 điều khiển xe chạy, “bạn của Đ” đưa cho C 01 (một) gói ma túy được bọc ngoài bằng lớp giấy màu trắng, bên trong có chứa 05 (năm) túi ni lon có chứa ma túy hồng phiến. C nhận gói ma túy và để gói ma túy đó ở hộc đựng đồ của cánh cửa xe tại vị trí C đang ngồi. Khi T1 điều khiển xe đến đoạn cầu H thì “bạn của Đ” xuống xe, còn C và T1 tiếp tục điều khiển xe chạy về tỉnh Quảng Bình. Khi chạy đến đoạn đường tránh thuộc địa phận huyện L, tỉnh Quảng Bình thì C rủ T1 dừng xe để cùng nhau sử dụng ma túy. T1 đồng ý và dừng xe ở bên lề đường, C lấy ra 05 (năm) viên ma túy hồng phiến ở trong số ma túy vừa mua được rồi cùng T1 sử dụng hết 05 (năm) viên ma túy đó ở trên xe. Sau khi sử dụng ma túy xong, T1 nói với C là “đồ đợt này ngon” rồi cả hai tiếp tục điều khiển xe chạy theo đường tránh về hướng huyện Q. Khi đến địa phận thôn X, xã Q, huyện Q thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang thu giữ trong người Châu 988 viên ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 103,153 gam và thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của C là 2.862 viên ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 292,83 gam. Tổng khối lượng mà C mua bán, cất giữ trong nhà để bán là 395,983g ma túy loại Methamphetamine. Ngoài

ra, bị cáo C còn khai nhận, từ đầu năm 2022 đến ngày 13/5/2022, C đã trực tiếp bán ma túy cho nhiều đối tượng trên địa bàn, trong đó chỉ nhớ đã bán cho Phan Lê T1 ba lần, với số lượng 14 viên ma túy hồng phiến thu về 1.100.000 đồng. Chỉ đạo Trần Thị T bán ma túy cho nhiều đối tượng, trong đó T chỉ nhớ đã bán cho bảy đối tượng, với số lượng 62 viên ma túy hồng phiến, thu về 4.000.000 đồng. Chỉ đạo Nguyễn Mạnh C1 bán ma túy cho nhiều đối tượng, trong đó C1 chỉ nhớ được cụ thể ba lần bán (hai lần bán, với số lượng 12 viên ma túy hồng phiến, thu về 1.000.000 đồng và 01 lần giao 01 (một) gói giấy bạc có chứa ma túy hồng phiến, nhưng không xác định được cụ thể số lượng ma túy trong gói giấy bạc bao nhiêu.

Ngoài ra, trong quá trình khám xét chỗ ở của C, còn thu giữ tại nhà của C 01 súng ngắn bán tự động Makarov, cỡ nòng 9mm (thường gọi là súng K59) và 07 (bảy) viên đạn là đạn cỡ (9x18)mm thuộc vũ khí quân dụng. C khai nhận mua của một người (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) ở khu vực rừng gần cửa khẩu C4, huyện M, với giá 25.000.000 đồng đem về nhà cất giấu với mục đích để phòng thân.

Bị cáo Phan Lê T1 khai nhận: Bị cáo làm nghề lái xe dịch vụ, là người sử dụng ma túy, đã ba lần mua ma túy của bị cáo C và cũng có lần chở C vào Quảng Trị mua ma túy hồng phiến, nhưng khi vào đến Quảng Trị không liên lạc với người bán, nên phải trở ra Quảng Bình. Ngày 13/5/2022, khi C thuê chở đi Quảng Trị, trong quá trình đi nghe C điện thoại và nói chuyện với người giới thiệu mua bán ma túy, khi C giao tiền và nhận ma túy từ người giới thiệu và trong quá trình chở C về Quảng Bình trên đường đã sử dụng ma túy cùng C, nên biết C là người mua bán ma túy hồng phiến, nhưng không biết cụ thể bao nhiêu. Đến khi về đến địa phận huyện Q thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang trên người C có 988 viên ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 103,153gam.

Bị cáo Trần Thị T khai nhận: Bị cáo T là người yêu của bị cáo C, sinh sống cùng nhà với C, nên biết C cất giữ ma túy trong nhà khi có người đến mua thì bán. Từ tháng 3/2022 đến ngày 13/5/2022, bị cáo C đã chỉ đạo bị cáo bán ma túy cho nhiều đối tượng, trong đó T chỉ nhớ đã bán cho bảy đối tượng, với số lượng 62 viên ma túy hồng phiến, thu về 4.000.000 đồng. Sau khi C bị bắt, cơ quan Công an khám xét tại nhà của C, bị cáo T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 2.862 viên ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 292,83 gam.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm và hiện trường nơi xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản bắt Phan Minh C, Phan Lê T1 phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của C và Trần Thị T, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Minh C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ

luật hình sự; các bị cáo Phan Lê T1, Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức và biết được chất ma túy M2 là loại gây nghiện nguy hiểm, là mặt hàng được Nhà nước độc quyền quản lý, nhưng do ý thức coi thường, bất chấp pháp luật và đạo lý, nên các bị cáo C, T, T1 đã cố ý mua bán ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

Ngoài ra, bị cáo Phan Minh C còn có hành vi cố ý cất giữ trái phép 01 súng ngắn bán tự động Makarov, cỡ nòng 9mm, thường gọi là súng K59 và 07 viên đạn là đạn cỡ (9 x18)mm là vũ khí quân dụng được Nhà nước quản lý.

Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T đã thực hiện mua bán ma túy nhiều lần, nên thuộc trường hợp “Phạm tội hai lần trở lên”, nên áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Lê T1 là người đã bị kết án về tội ít nghiêm trọng chưa được xóa án tích, lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, thuộc trường hợp “Tái phạm”, nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo C, T, T1 trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình; bị cáo C, T, đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo T quá trình phạm tội là phụ nữ có thai, mới sinh con nhỏ; bị cáo C có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất, nhì, ba, là thương binh, bị cáo là lao động chính phải nuôi mẹ già yếu nên hoàn cảnh khó khăn; bị cáo T1 gia đình có công với cách mạng, bố là người có nhiều đóng góp trong sự nghiệp bảo vệ biển, đảo chủ quyền an ninh biên giới được Bộ tặng kỷ niệm chương, nên cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo C, T, T1, (áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo C, T, áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T và áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo C, T1), từ đó xử phạt các bị cáo như Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ và đúng pháp luật, tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả của vụ án.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Lê T1 cho rằng bị cáo T1 đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T, Phan Lê T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T và Phan Lê T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.

Đối với bị cáo Phan Minh C: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; khoản 1 Điều 304; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 39, Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phan Minh C hình phạt **tù chung thân** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **02 (Hai)** năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt hai tội và **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội và hai bản án là **tù chung thân**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 14/5/2022.

Đối với bị cáo Trần Thị T: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; các điểm s, t, n khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T **15 (Mười lăm)** năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đối với bị cáo Phan Lê T1: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Lê T1 **20 (Hai mươi)** năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/6/2022.

2. Về hình phạt bổ sung: Không xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T, Phan Lê T1.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử buộc các bị cáo Phan Minh C, Trần Thị T, Phan Lê T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường